

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **22/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 10-6-2022

V/v: *Ly hôn, nuôi con và nợ chung.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kỳ Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Minh Trí.

2. Ông Lê Đức Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Hữu Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 10/6/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 08/2022/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2022 về việc “Ly hôn, nuôi con và nợ chung”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 04/5/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Vũ Văn N, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng xxxxx, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ: Tiểu khu T, thị trấn N, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân B - Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng xxxxx, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị L, ông B; vắng mặt anh N (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 29/11/2021 và bản tự khai ngày 14/01/2022, nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Vũ Văn N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28/6/2012 tại UBND xã C, huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường đến tháng 7/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm. Anh N nhiều lần đánh đập chị và xúc phạm đến gia đình chị. Chị phải đem con thứ hai là cháu Vũ Trần Thành C vào miền nam ở một thời gian để mong anh N thay đổi tính cách nhưng anh N vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Chị xét thấy không thể tiếp tục duy trì hôn nhân được nữa nên chị đã đem con về nhà ngoại ở từ tháng 7/2020. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Về con chung: Chị và anh N có 02 con chung là Vũ Văn T, sinh ngày 15/9/2013 hiện đang ở với anh N và Vũ Trần Thành C, sinh ngày 09/9/2016 hiện đang ở với chị L. Nguyên vọng của chị L khi ly hôn xin được nuôi cháu Vũ Trần Thành C còn anh N nuôi cháu Vũ Văn T. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ngày 18/02/2020 vợ chồng làm hồ sơ vay vốn tại Ngân hàng xxxxx, tỉnh Thanh Hóa số tiền gốc là 40.000.000đ. Mục đích vay để làm nhà cùng với bố mẹ chồng và sinh hoạt trong gia đình. Sau khi vay đến nay vợ chồng chưa trả nợ gốc, hàng tháng chị là người trả tiền lãi cho ngân hàng. Nay vợ chồng ly hôn chị xin được chia đôi số nợ gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị Trần Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cháu Vũ Trần Thành C, anh N nuôi dưỡng cháu Vũ Văn T. Đối với số tiền còn nợ của Ngân hàng xxxxx, tỉnh Thanh Hóa, chị đề nghị Tòa án giải quyết chia đôi số nợ gốc, đối với số nợ lãi, chị nhận sẽ có trách nhiệm trả toàn bộ lãi tính đến ngày xét xử, sau phiên tòa, ai phải trả số tiền gốc bao nhiêu sẽ phải trả số lãi tương ứng với số tiền gốc.

* *Đối với anh Vũ Văn N:* Tòa án nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa đã thực hiện tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Vũ Văn N. Nhưng trong thời hạn quy định anh N không nộp văn bản nêu ý kiến của mình, cũng không đến Tòa án làm việc theo Giấy triệu tập.

Tại Biên bản xác minh ngày 22 tháng 4 năm 2022, ông Vũ Văn K là bố đẻ của anh Vũ Văn N trình bày: Chị Trần Thị L và anh Vũ Văn N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28/6/2012 tại UBND xã C, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường đến tháng 7 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung. Từ đó vợ chồng xảy ra cãi nhau. Hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không khắc phục được mâu thuẫn. Đến ngày 15/7/2020 chị L đã bỏ nhà đi. Gia đình ông đã khuyên bảo cho chị quay về nhưng chị không về. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Đến tháng 11/2021 chị L làm đơn xin ly hôn anh N.

Gia đình đã nhận được văn bản của Tòa án và đã giao ngay lại cho anh N biết. Sau khi nhận được văn bản của Tòa án, quan điểm của anh N như sau: Về hôn nhân: Chị L xin ly hôn, anh N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng đồng ý ly hôn; về con chung: Anh N và chị L có 02 con chung là Vũ Văn T, sinh ngày 15/9/2013 đang ở với anh N và Vũ Trần Thành C, sinh ngày 09/9/2016 đang ở với chị L. Khi ly hôn anh N xin được nuôi cháu Vũ Văn T còn chị L nuôi cháu Vũ Văn T Công. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Chị L đang vay Ngân hàng xxxxx, tỉnh Thanh Hóa số tiền 40.000.000đ, anh không chịu trách nhiệm trả số nợ trên.

Tại Biên bản sự việc ngày 22/4/2022, anh Vũ Văn N trình bày:

Về hôn nhân: Chị L xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh N xin được nuôi cháu Vũ Văn T còn chị L nuôi cháu Vũ Trần Thành C. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Đối với số nợ 40.000.000đ chị L vay của Ngân hàng xxxxx, tỉnh Thanh Hóa anh không chịu trách nhiệm trả.

** Tại Bản tự khai ngày 07/4/2022, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng xxxxx ông Lê Văn T trình bày: Căn cứ vào hồ sơ vay vốn tại Ngân hàng xxxxx, tỉnh Thanh Hóa ngày 18/02/2020, gia đình bà Trần Thị L có làm hồ sơ vay vốn. Ngày 06/3/2020 bà Trần Thị L có nhận giải ngân số tiền 40.000.000đ. Hạn trả nợ cuối cùng là ngày 06/03/2023. Sau khi vay vốn bà Liên trả nợ lãi và tham gia tiền gửi tiết kiệm đầy đủ, không thực hiện trả nợ gốc. Đến ngày 06/9/2021 gia đình bà Liên không tuân thủ trả nợ lãi và tham gia tiền gửi cho ngân hàng. Tính đến tháng 4/2022 gia đình bà Liên còn nợ ngân hàng tổng số tiền là 41.481.291đ. Trong đó nợ gốc là 40.000.000đ, nợ lãi là 1.481.291đ. Ngân hàng đã phối hợp với Ban thu hồi công nợ xã C, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa và các tổ chức đoàn thể nhận quản lý vốn đã nhiều lần đôn đốc nhưng bà Liên và các thành viên trong hộ vẫn cố tình trốn tránh, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nhà nước như đã cam kết.*

Qua kiểm tra, gia đình bà Liên không đầu tư vốn chăn nuôi tại địa phương, không còn phương án chăn nuôi sản xuất. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu gia đình bà Liên thanh toán toàn bộ khoản nợ trên.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, gia đình bà Trần Thị L còn nợ Ngân hàng xxxxx, tỉnh Thanh Hóa số tiền gốc là 40.000.000đ, số tiền lãi là 1.796.838đ, ngày trả lãi gần nhất là ngày 06/5/2022. Vì vậy, đề nghị tòa án giải quyết buộc gia đình bà Liên phải trả toàn bộ nợ gốc và lãi cho ngân hàng cũng như tiếp tục phải chịu lãi suất theo quy định cho đến khi trả hết số nợ gốc.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:

** Về tố tụng:*

Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng hồ sơ và không có mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xử cho chị L được ly hôn anh N.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và nguyện vọng của con, giao cháu Vũ Trần Thành C cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Vũ Văn T cho anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về nợ chung: Chị Trần Thị L là người đứng tên vay tiền của Ngân hàng xxxxx, tỉnh Thanh Hóa. Tuy nhiên trước khi vay tiền, anh N đã làm văn bản ủy quyền cho chị L đứng tên vay số tiền này và trên thực tế, chị L vay tiền để phục vụ cho

sinh hoạt chung của gia đình. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đây là khoản nợ chung của vợ chồng.

Đối với yêu cầu của chị Trần Thị L về việc yêu cầu được chia đôi số nợ chung và chấp nhận có trách nhiệm trả toàn bộ khoản tiền lãi của vợ chồng đến ngày xét xử là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chia đôi số nợ chung vợ chồng, buộc anh Vũ Văn N phải trả nợ số tiền là 20.000.000đ và chị Trần Thị L phải trả nợ số tiền gốc là 20.000.000đ và số tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 1.796.964đ.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị Trần Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Trần Thị L và anh Vũ Văn N phải chịu án phí giá ngạch tài sản theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Vũ Văn N có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã C, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa nên việc chị Trần Thị L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa giải quyết việc ly hôn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Vũ Văn N vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và xét xử của Tòa án, vì vậy không tiến hành được phiên hòa giải giữa chị Trần Thị L và anh Vũ Văn N, thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 20/5/2022 Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đã mở phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt anh Vũ Văn N, vì vậy phải hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt anh Vũ Văn N, tuy nhiên anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh N vẫn vắng mặt, vì vậy cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh N là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Chị Trần Thị L và anh Vũ Văn N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa ngày 28/6/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận bình thường đến tháng 7 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm

trọng nên vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Văn N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Vũ Văn T, sinh ngày 15/9/2013 đang ở với anh N và Vũ Trần Thành C, sinh ngày 09/9/2016 đang ở với chị L. Nguyên vọng của chị L khi ly hôn xin được nuôi cháu Vũ Trần Thành C còn anh N nuôi cháu Vũ Văn T. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng nợ Ngân hàng xxxxx, tỉnh Thanh Hóa số tiền gốc là 40.000.000đ kèm theo lãi suất. Khi ly hôn chị L yêu cầu chia đôi số nợ trên.

* Xét yêu cầu về việc ly hôn, nuôi con và chia nợ chung của chị L và anh N thấy rằng:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị L và anh Vũ Văn N dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa ngày 28/6/2012, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Đánh giá về thực trạng quan hệ vợ chồng: Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Tại phiên tòa chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Vũ Văn N. Vì vậy, HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân là kết hôn hòa thuận hạnh phúc không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: Chị L và anh N có 02 con chung là Vũ Văn T, sinh ngày 15/9/2013 đang ở với anh N và Vũ Trần Thành C, sinh ngày 09/9/2016 đang ở với chị L. Trong quá trình xây dựng hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm, chị L đều có nguyện vọng xin được nuôi cháu Vũ Trần Thành C còn anh N nuôi cháu Vũ Văn T. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về phía anh N đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng trong thời hạn quy định anh N không nộp văn bản nêu ý kiến của mình, cũng không đến Tòa án để làm việc và không có mặt tại phiên tòa.

Xét yêu cầu của chị L thấy rằng: Hiện nay cháu Vũ Văn T đang ở với anh N còn cháu Vũ Trần Thành C đang ở với chị L. Cháu Vũ Văn T cũng có nguyện vọng xin được ở với bố. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần giao cháu Thành cho anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Công cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Chị L và anh N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét. Dành quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác về tài sản chung cho hai bên đương sự.

[4] Về nợ chung:

Ngày 18/02/2020, gia đình Trần Thị L có làm hồ sơ vay vốn. Ngày 06/3/2020 Ngân hàng xxxxx, tỉnh Thanh Hóa đã giải ngân số tiền 40.000.000đ. Hạn trả nợ cuối cùng là ngày 06/03/2023. Mục đích vay để chăn nuôi, phát triển sản xuất. Khi làm hồ sơ vay vốn, anh Vũ Văn N đã làm văn bản ủy quyền cho chị Trần Thị L đứng tên vay tiền và trên thực tế, chị L đã vay số tiền này về để sửa nhà. Vì vậy xác định đây là nợ chung của vợ chồng.

Đánh giá về yêu cầu của chị Trần Thị L về việc đề nghị chia đôi số nợ gốc cho cả hai vợ chồng cùng có trách nhiệm trả nợ và chị chấp nhận có nghĩa vụ trả toàn bộ lãi còn nợ của vợ chồng cho đến ngày xét xử sơ thẩm thấy rằng:

Quá trình xây dựng hồ sơ vụ án, anh Vũ Văn N không đồng ý trả nợ số nợ này, tuy nhiên đây là nợ chung của vợ chồng, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị L để buộc hai vợ chồng phải có trách nhiệm trả nợ số tiền đã vay cho Ngân hàng xxxxx, tỉnh Thanh Hóa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Trần Thị L và anh Vũ Văn N phải chịu án phí giá ngạch tài sản theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 27, 37 và Điều 60 của Luật Hôn nhân gia đình; Điều 463; Điều 466 Bộ luật Dân sự; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Trần Thị L được ly hôn anh Vũ Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Văn T, sinh ngày 15/9/2013 cho anh Vũ Văn N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Vũ Trần Thành C, sinh ngày 09/9/2016 cho chị Trần Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trần Thị L và anh Vũ Văn N có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cấm.

Vì quyền lợi của con, các bên đương sự có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng nuôi con chung và thay đổi việc nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Về nợ chung: Chấp nhận số tiền 40.000.000đ chị Trần Thị L đang vay của Ngân hàng xxxxx, tỉnh Thanh Hóa là nợ chung của chị Trần Thị L và anh Vũ Văn N.

Buộc anh Vũ Văn N phải trả cho Ngân hàng xxxxx, tỉnh Thanh Hóa số tiền 20.000.000đ(*Hai mươi triệu đồng*) và lãi phát sinh kể từ ngày 10/6/2022 đối với số gốc còn lại tương ứng với thời gian chậm thanh toán.

Buộc chị Trần Thị L phải trả cho Ngân hàng xxxxx, tỉnh Thanh Hóa số tiền 20.000.000đ(*Hai mươi triệu đồng*), số tiền lãi còn nợ là 1.796.964đ(*Một triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn chín trăm sáu mươi tư đồng*). Tổng cả gốc và lãi là 21.796.964đ(*Hai mươi một triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn chín trăm sáu mươi tư đồng*) và lãi phát sinh kể từ ngày 10/6/2022 đối với số gốc còn lại tương ứng với thời gian chậm thanh toán.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 1.089.800đ án phí về phân chia tài sản nhưng được trừ vào số tiền chị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0006766 ngày 05/01/2022 của Chi cục THADS Nông Công. Chị Trần Thị L còn phải nộp 89.800đ(*Tám mươi chín nghìn tám trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Vũ Văn N phải chịu 1.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đường sù;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND xã Công Liêm;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Võ Kỳ Anh